

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ - ST

Ngày 12/12/2019.

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến, ông Đinh Duy Quyết.

Thư ký phiên toà: Ông Đoàn Thanh Minh – Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2019/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 1- K, xã G, huyện G, tỉnh N; Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã L, huyện Nh, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Đinh Văn G, sinh năm 1980.

Trú tại: Thôn 1- Kênh Gà, xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Các bên đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 7 năm 2019, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Giữa chị D và anh Đinh Văn G có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 06/10/2009 tại Ủy ban nhân dân(UBND) xã L, huyện Nh, tỉnh N. Sau khi cưới chị D và anh G về chung sống với nhau tại Thôn 1- K, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung và do anh G hay ghen tuông vô cớ rồi đánh đập chị D nên chị đã vài lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Do anh G không thay đổi nên càng làm mâu thuẫn vợ chồng nặng thêm, không chịu đựng được nữa nên đến đầu tháng 6/2019 chị D đã bế con thứ hai là cháu Đinh Thị Quỳnh Nh về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã L, huyện Nh sinh sống, kể từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Hiện nay chị D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, chị D không còn tình

cảm thương yêu với anh G nữa nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn G.

Về con chung, theo chị D khai vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn là Đinh Thị Phương Ch sinh ngày 04/01/2010, hiện đang ở với anh G, và cháu Đinh Thị Quỳnh Nh sinh ngày 07/8/2016 hiện đang ở với tôi. Khi ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu Đinh Thị Quỳnh Nh cho tôi tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Đinh Thị Phương Ch giao cho anh G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Tôi không yêu cầu anh G phải đóng góp tiền nuôi con. Nếu anh G đề nghị nuôi cả hai con tôi cũng đồng ý, việc cấp dưỡng nuôi con do Tòa quyết định.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, công nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/10/2019, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đinh Văn G trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị Dinh sau khi tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện đã kết hôn với nhau vào ngày 06/10/2009 tại UBND xã L, huyện Nh, tỉnh N. Sau khi kết hôn chúng tôi về chung sống với nhau tại thôn 1- K, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được thời gian dài. Đến đầu năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tôi đi làm ăn xa có nghe dư luận nói vợ tôi chơi bời nên có ghen tuông vô cớ rồi dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Mặt khác giữa vợ tôi và mẹ đẻ tôi có quan hệ không tốt, không ưa nhau nên cũng tác động đến quan hệ vợ chồng. Trong năm 2017, vợ chồng vẫn hay cãi nhau và đã vài lần có sự xô xát, tôi có đánh cô D nên cô D đã vài lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ cô Dinh, khi đi có một lần cô D mang theo cả số tiền là 18.500.000 đồng nhưng sau đó tôi đã bỏ qua và lên nhà bố mẹ vợ đón cô D về tiếp tục chung sống với nhau. Đến tháng 6/2019 thì vợ chồng lại cãi nhau nghiêm trọng và cô D bỏ về nhà bố mẹ đẻ cô D ở thôn Đ, xã L, huyện Nh sinh sống, kể từ đó vợ chồng tôi sống ly thân. Từ đó đến nay tôi cũng đã cố gắng gọi điện, mong cô D về đoàn tụ nhưng cô D không về. Trong quá trình hòa giải, Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho tôi cố gắng hàn gắn nhưng quan hệ vợ chồng tôi vẫn không có cải thiện nào. Tôi xác định tình cảm với vợ vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với cô D. Về con chung, tôi và cô D có 02 con chung, cháu lớn là Đinh Thị Phương Ch sinh ngày 04/01/2010, hiện đang ở với tôi, và cháu Đinh Thị Quỳnh Nh sinh ngày 07/8/2016 hiện đang ở với cô D. Nếu phải ly hôn đề nghị Tòa án giao cho tôi nuôi cả 02 con chung. Tôi không yêu cầu cô D phải đóng góp tiền nuôi con. Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi cũng không đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung và công nợ chung.

Tại phiên tòa anh G không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, các vấn đề khác các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên.

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Đinh Văn G; về con chung: Giao cho chị D được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đinh Thị Quỳnh N sinh ngày 07/8/2016, giao cho anh Đinh Văn G được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đinh Thị Phương Ch sinh ngày 04/01/2010; anh G và chị D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; chị D phải nộp án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Đinh Văn G có địa chỉ: Thôn 1- K, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa các đương sự đều có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là đúng luật định.

[2]Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của chị Nguyễn Thị D và anh Đinh Văn G là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người về chung sống với nhau tại thôn 1- K, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo sự trình bày của cả hai bên là do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung và do anh Giới hay ghen tuông vô cớ nên đã có hành vi bạo lực với chị D đã làm rạn nứt quan hệ vợ chồng và chị D đã vài lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống. Đến tháng 6/2019 thì vợ chồng lại cãi nhau nghiêm trọng và chị Đinh bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị D ở thôn Đ, xã L, huyện Nh sinh sống, kể từ đó vợ chồng sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã kiên trì hòa giải và tạo điều kiện về thời gian nhưng anh Giới cũng không có biện pháp hữu hiệu nào để khắc phục, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Bản thân chị Đinh thì vẫn kiên quyết xác định không còn tình thương yêu anh Giới nữa. Do đó có căn cứ xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng chị Nguyễn Thị D và anh Đinh Văn G đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị D xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Đinh Văn G là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Do sự trình bày thống nhất của đương sự nên Tòa án xác định chị D và anh G có 02 con chung, cháu lớn là Đinh Thị Phương Ch sinh ngày 04/01/2010, hiện đang ở với anh G, và cháu Đinh Thị Quỳnh Nh sinh ngày 07/8/2016 hiện đang ở với chị D. Xét cả chị D và anh G đều có đủ khả năng nuôi con, cháu Đinh Thị Phương Ch cũng có nguyện vọng ở với anh G, còn cháu Đinh Thị Quỳnh Nh thì còn nhỏ. Do đó việc chị D đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đinh Thị Quỳnh Nh, còn để anh G tiếp tục nuôi cháu Đinh Thị Phương Ch là hợp lý cần chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị D, anh G không ai có yêu cầu nên không buộc chị D và anh G phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là thỏa đáng.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự đều xác định vợ chồng không có tài sản và công nợ chung và không có yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Đinh Văn G.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đinh Thị Quỳnh Nh sinh ngày 07/8/2016 cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi; giao cho anh Đinh Văn G được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đinh Thị Phương Ch sinh ngày 04/01/2010 cho đến khi cháu Ch đủ 18 tuổi. Chị D và anh G không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2013/0001287 ngày 05/8/2019.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Tòa án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND xã L, huyện Nh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

NGUYỄN HỮU QUỐC